

Số: 330/2023/CBTT-BHHC-TCHC

Lào Cai, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà (Mã CK: BHA) thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Báo cáo tài chính bán niên năm 2023 với UB Chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

- BCTC bán niên năm 2023 theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC:

- BCTC riêng
 BCTC hợp nhất
 BCTC tổng hợp

- Văn bản giải trình cùng BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước

Có Không

Văn bản giải trình lợi nhuận thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại

Có Không

Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại

Có Không

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thành Hưng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN BẮC HÀ
Mã chứng khoán: BHA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 329 /2023/CV-BHHC-TCKT

Lào Cai, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Về việc: giải trình biến động KQKD giữa niên độ đã kiểm toán năm 2023. LNST TNDN tại BC KQKD của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước. LNST trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này và ngược lại.

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin;

Căn cứ báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán soát xét 6 tháng đầu năm 2022;

Căn cứ báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán soát xét 6 tháng đầu năm 2023.

Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà xin giải trình biến động KQKD giữa niên độ đã kiểm toán năm 2023. Lợi nhuận sau thuế TNDN tại BC KQKD của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này và ngược lại.

Số liệu cụ thể như sau:

Kết thúc 6 tháng đầu năm 2023, lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà là: -12.793.081.035 đồng, giảm 129.69% so với 6 tháng đầu năm 2022.

Khoản mục	Năm 2023	Năm 2022	Tăng/Giảm	
			Số tiền	%
Lợi nhuận trước thuế	-12.793.081.035	45.412.667.069	-58.205.748.104	-128.17
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	84.143.992.788	148.360.147.101	-64.216.154.313	-43.28
Lợi nhuận gộp về BH&CCDV	26.461.969.251	90.923.051.113	-64.461.081.862	-79.90
Doanh thu từ HĐ tài chính	137.141.975	859.679	136.282.296	15852.70
Chi phí tài chính	37.286.526.591	40.757.188.368	-3.470.661.777	-8.52
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	-13.901.799.376	46.543.244.114	-60.445.043.490	-129.87
Lợi nhuận khác	1.108.718.341	-1.130.577.045	2.239.295.386	198.07
Thuế TNDN		2.327.162.206	-2.327.162.206	100
Lợi nhuận sau thuế	-12.793.081.035	43.085.504.863	-55.878.585.898	-129.69

Công ty xin giải trình cụ thể như sau:

Nguyên nhân lợi nhuận sau thuế giảm so với năm trước là do doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm do lưu lượng nước trung bình về hồ quý I giảm nên sản lượng điện sản xuất ra giảm so với cùng kỳ năm 2022.

Trong 6 tháng năm 2023 doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt thấp trong khi chi phí tái chính, chi phí quản lý doanh nghiệp vẫn phát sinh dẫn đến lợi nhuận bị thua lỗ là -12.793.081.035đ.

Chúng tôi xin giải trình để UBCK Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội biết./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCKT, TCHC



Nguyễn Thành Hưng



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2023



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2023



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 26

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đồng Quốc Cường	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Danh Quân	Ủy viên
Ông Nguyễn Thành Hưng	Ủy viên

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thành Hưng	Tổng Giám đốc
-----------------------	---------------

Ban kiểm soát

Ông Phạm Ngọc Tân	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Thành Hưng - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Thành Hưng

Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 08 năm 2023

Số: 081001/2023/BCSX-iCPA

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10 tháng 08 năm 2023 từ trang 6 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc tới Thuyết minh số II phần thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 136.772.457.943 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 72.251.476.830 đồng). Khả năng hoạt động liên tục của Công ty sẽ phụ thuộc vào khả năng huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng, các nguồn thu và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số II, cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng quan trọng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận soát xét của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Thị Thanh Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1402-2023-072-01

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		83.501.030.413	36.387.746.553
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.337.639.092	7.669.994.770
1. Tiền	111		6.037.639.092	3.369.994.770
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.300.000.000	4.300.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		72.769.645.276	28.286.244.002
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	53.693.690.048	10.246.051.612
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	5.766.912.437	5.738.774.537
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	9.000.000.000	9.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	4.309.042.791	3.301.417.853
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		393.746.045	431.507.781
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	393.746.045	431.507.781
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.535.518.358.517	1.586.129.480.850
I. Tài sản cố định	220		1.535.518.358.517	1.586.096.387.517
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.535.518.358.517	1.586.096.387.517
- Nguyên giá	222		2.607.768.668.981	2.608.375.997.785
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.072.250.310.464)	(1.022.279.610.268)
II. Tài sản dài hạn khác	260		-	33.093.333
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	-	33.093.333
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.619.019.388.930	1.622.517.227.403

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		855.139.663.008	795.505.398.035
I. Nợ ngắn hạn	310		220.273.488.356	108.639.223.383
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	2.878.189.295	2.685.107.773
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	6.168.317.343	11.820.113.961
3. Phải trả người lao động	314		861.806.088	852.705.555
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10a	10.571.176.779	11.773.586.779
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	78.568.430.391	5.312.835.315
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12a	120.054.547.554	75.794.874.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.171.020.906	400.000.000
II. Nợ dài hạn	330		634.866.174.652	686.866.174.652
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.10b	14.120.000.000	14.120.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12b	620.746.174.652	672.746.174.652
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		763.879.725.922	827.011.829.368
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	763.879.725.922	827.011.829.368
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		660.000.000.000	660.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		660.000.000.000	660.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.339.188.153	400.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		96.540.537.769	166.611.829.368
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		109.333.618.804	12.407.648.184
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(12.793.081.035)	154.204.181.184
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.619.019.388.930	1.622.517.227.403

Hà Thị Thùy
Người lập

Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng

Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		84.143.992.788	148.360.147.101
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	84.143.992.788	148.360.147.101
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	57.682.023.537	57.437.095.988
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.461.969.251	90.923.051.113
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	137.141.975	859.679
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	37.286.526.591	40.757.188.368
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		37.286.526.591	40.716.073.043
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	3.214.384.011	3.623.478.310
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(13.901.799.376)	46.543.244.114
9. Thu nhập khác	31	VI.6	1.126.351.246	-
10. Chi phí khác	32		17.632.905	1.130.577.045
11. Lợi nhuận khác	40		1.108.718.341	(1.130.577.045)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(12.793.081.035)	45.412.667.069
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	2.327.162.206
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(12.793.081.035)	43.085.504.863
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(194)	653
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	(194)	653

Hà Thị Thùy
Người lập


Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng


Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(12.793.081.035)	45.412.667.069
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	50.578.029.000	50.441.855.666
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(259.869.248)	(859.679)
Chi phí lãi vay	06	37.286.526.591	40.716.073.043
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	74.811.605.308	136.569.736.099
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(44.483.401.274)	(52.436.076.426)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.708.600.977)	(7.799.056.666)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	70.855.069	594.888.661
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.920.893.953)	(13.535.888.124)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.621.462.653)	(1.627.261.602)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.148.101.520	61.766.341.942
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	122.727.273	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	137.141.975	859.679
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	259.869.248	859.679
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	23.021.728.446	18.335.158.474
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(30.762.054.892)	(75.283.234.415)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.740.326.446)	(56.948.075.941)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.667.644.322	4.819.125.680
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.669.994.770	1.446.361.137
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	10.337.639.092	6.265.486.817


Hà Thị Thùy
Người lập


Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng



 Nguyễn Thành Hưng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 10 tháng 08 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5300240587 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2008.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần 08 ngày 20 tháng 08 năm 2019, vốn điều lệ Công ty là 660.000.000.000 đồng (sáu trăm sáu mươi tỷ đồng), tương đương 66.000.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải điện và phân phối điện.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 đã được soát xét.

6. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 48 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 48 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 136.772.457.943 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 72.251.476.830 đồng); nợ quá hạn chưa thanh toán là 9.732.530.035 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 10.732.530.035 đồng) (Thuyết minh số V.8 và V.10). Khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong vòng 12 tháng tới sẽ phụ thuộc vào khả năng huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng, các nguồn thu và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Giả định về khả năng hoạt động liên tục (Tiếp theo)

- Nhà máy thủy điện Bắc Hà hiện vẫn đang vận hành ổn định sẽ tiếp tục mang lại nguồn thu lớn cho Công ty trong các năm tiếp theo.
- Công ty sẽ tiếp tục nhận được các khoản cung cấp tín dụng từ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lào Cai để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Tổng Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải thu (Tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 45
Máy móc và thiết bị	12 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	12 - 20

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Chính sách ưu đãi thuế: Theo quy định của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty thành lập dự án đầu tư thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, được hưởng ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm: từ năm 2012 đến hết năm 2026; được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 04 năm từ năm 2012 đến hết năm 2015; được giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm từ năm 2016 đến năm 2024.

Năm 2023 sẽ là năm thứ mười hai Công ty áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10% đối với thu nhập chịu thuế phát sinh từ dự án đầu tư.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	23.226.827	19.881.343
Tiền gửi ngân hàng	6.014.412.265	3.350.113.427
Các khoản tương đương tiền (*)	4.300.000.000	4.300.000.000
Cộng	10.337.639.092	7.669.994.770

(*) Gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hồ Gươm với lãi suất là 5,8%/năm.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	53.693.690.048	10.217.398.886
Các khoản phải thu khách hàng khác	-	28.652.726
Cộng	53.693.690.048	10.246.051.612

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng Công ty Licogi - CTCP - Chi nhánh Licogi số 01	4.837.568.040	4.837.568.040
Các nhà cung cấp khác	929.344.397	901.206.497
Cộng	5.766.912.437	5.738.774.537
Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.2)	4.837.568.040	4.837.568.040

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty CP Đầu tư An Phúc Thịnh (*)	9.000.000.000	9.000.000.000
Cộng	9.000.000.000	9.000.000.000

(*) Khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư An Phúc Thịnh vay theo hợp đồng vay vốn số 07.10/2022/HĐV/BH-APT ngày 07 tháng 10 năm 2022. Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất vay 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, khoản cho vay không có tài sản đảm bảo. Khoản vay đã được gia hạn đến ngày 07 tháng 01 năm 2024 theo Phụ lục hợp đồng sửa đổi số 01/07.10.2022/HĐV/BH-APT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tạm ứng	1.802.320.441	819.067.574
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam (*)	2.506.722.350	2.482.350.279
Cộng	4.309.042.791	3.301.417.853

(*) Khoản chi hộ tiền thuế tài nguyên và cấp quyền khai thác nước cho Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

6. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	393.746.045	431.507.781
Cộng	393.746.045	431.507.781
b. Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	33.093.333
Cộng	-	33.093.333

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	1.679.692.843.378	809.952.160.081	118.730.994.326	2.608.375.997.785
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(607.328.804)	(607.328.804)
Số dư cuối kỳ	1.679.692.843.378	809.952.160.081	118.123.665.522	2.607.768.668.981
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu kỳ	372.675.188.409	549.852.004.852	99.752.417.007	1.022.279.610.268
Khấu hao trong kỳ	19.017.780.522	26.341.448.493	5.218.799.985	50.578.029.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(607.328.804)	(607.328.804)
Số dư cuối kỳ	391.692.968.931	576.193.453.345	104.363.888.188	1.072.250.310.464
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu kỳ	1.307.017.654.969	260.100.155.229	18.978.577.319	1.586.096.387.517
Tại ngày cuối kỳ	1.287.999.874.447	233.758.706.736	13.759.777.334	1.535.518.358.517

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 1.534.043.147.407 đồng (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 1.634.926.858.738 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.917.014.239 đồng (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 2.524.343.043 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
a. Ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	886.008.779	886.008.779	886.008.779	886.008.779
Tập đoàn điện lực Việt Nam EVN	726.089.496	726.089.496	266.410.607	266.410.607
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	619.248.529	619.248.529	619.248.529	619.248.529
Công ty Cổ phần Viettronic công nghiệp	295.538.883	295.538.883	295.538.883	295.538.883
Phải trả các đối tượng khác	351.303.608	351.303.608	617.900.975	617.900.975
Cộng	2.878.189.295	2.878.189.295	2.685.107.773	2.685.107.773
b. Nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	886.008.779	886.008.779	886.008.779	886.008.779
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	619.248.529	619.248.529	619.248.529	619.248.529
Cộng	1.505.257.308	1.505.257.308	1.505.257.308	1.505.257.308
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.2)	1.505.257.308	1.505.257.308	1.505.257.308	1.505.257.308

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	4.289.798.853	6.388.780.144	5.506.503.502	5.172.075.495
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.887.544.696	-	5.621.462.653	266.082.043
Thuế thu nhập cá nhân	14.461.851	410.038.843	385.406.817	39.093.877
Thuế tài nguyên	1.616.155.322	4.351.211.961	5.288.457.594	678.909.689
Các loại thuế khác	12.153.239	5.194.358.956	5.194.355.956	12.156.239
Cộng	11.820.113.961	16.344.389.904	21.996.186.522	6.168.317.343

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

10. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	1.935.404.053	1.935.404.053
- Lãi ân hạn phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (i)	1.935.404.053	1.935.404.053
Lãi chậm trả Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18 (ii)	8.227.272.727	9.227.272.727
Các khoản trích trước khác	408.499.999	610.909.999
Cộng	10.571.176.779	11.773.586.779
b. Dài hạn		
Chi phí lãi vay	14.120.000.000	14.120.000.000
- Lãi ân hạn phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (i)	14.120.000.000	14.120.000.000
Cộng	14.120.000.000	14.120.000.000
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
Lãi chậm trả Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18 (ii)	8.227.272.727	9.227.272.727
Cộng	8.227.272.727	9.227.272.727

- (i) Khoản lãi vay ân hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long năm 2012 được xác định theo Phụ lục hợp đồng tín dụng số 10/PLTD-BH/2017, theo Phụ lục này khoản lãi vay trên không bị tính lãi.
- (ii) Khoản chi phí lãi chậm trả liên quan đến công nợ quá hạn thanh toán với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 cho giai đoạn từ trước năm 2019 được xác định theo Biên bản làm việc và Phụ lục hợp đồng ký bổ sung Hợp đồng tổng thầu xây lắp số 03/2020/TĐBH-HĐXL ngày 28 tháng 08 năm 2020 với tổng giá trị là 22.727.272.727 đồng. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 Công ty đã trả được 14.500.000.000 đồng. Toàn bộ khoản lãi chậm trả này đã quá hạn thanh toán.

11. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Kinh phí công đoàn	197.182.635	193.630.221
Bảo hiểm xã hội	108.784.695	106.558.622
Bảo hiểm y tế	21.612.797	21.572.912
Bảo hiểm thất nghiệp	8.523.286	8.379.972
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	46.200.000.000	-
Phải trả lãi vay	30.348.326.226	4.982.693.588
Trong đó:		
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	30.348.326.226	4.982.693.588
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.684.000.752	-
Cộng	78.568.430.391	5.312.835.315
Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan	18.945.488.100	-

(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.2)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

12. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn						
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lào Cai (i)	790.874.000	790.874.000	23.021.728.446	9.860.054.892	13.952.547.554	13.952.547.554
Nợ dài hạn đến hạn trả	75.004.000.000	75.004.000.000			106.102.000.000	106.102.000.000
Cộng	75.794.874.000	75.794.874.000	23.021.728.446	9.860.054.892	120.054.547.554	120.054.547.554
b. Dài hạn						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (ii)	496.698.469.787	496.698.469.787	-	4.900.000.000	491.798.469.787	491.798.469.787
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai (iii)	251.051.704.865	251.051.704.865	-	16.002.000.000	235.049.704.865	235.049.704.865
Nợ dài hạn đến hạn trả	75.004.000.000	75.004.000.000			106.102.000.000	106.102.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	43.000.000.000	43.000.000.000			90.100.000.000	90.100.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	32.004.000.000	32.004.000.000			16.002.000.000	16.002.000.000
Cộng	672.746.174.652	672.746.174.652	-	20.902.000.000	620.746.174.652	620.746.174.652

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

12. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lào Cai theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 900/22MB/HĐTĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022. Hạn mức tín dụng là 30 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày 14 tháng 01 năm 2022 đến ngày 14 tháng 01 năm 2025. Thời hạn trả nợ của mỗi lần giải ngân và lãi suất tương ứng được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thanh toán các loại thuế theo quy định. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ Hợp đồng mua bán điện số 05/2012/HĐ-NMĐ-TĐ BẮC HÀ ngày 19 tháng 05 năm 2012 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo (nếu có) giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty CP Thủy điện Bắc Hà và các tài sản khác theo hợp đồng đảm bảo số 1621/21MB/HĐBĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 và các Phụ lục/Hợp đồng sửa đổi bổ sung (nếu có).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng số 01/HĐTĐ-BH/2006 ngày 30 tháng 10 năm 2006 và các Phụ lục sửa đổi bổ sung. Hạn mức tín dụng là 1.129 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 162 tháng. Mục đích vay là để thanh toán chi phí dự án công trình thủy điện Bắc Hà. Lãi suất cho vay được tính bằng tổng lãi suất huy động tiết kiệm và lãi suất biên 3.6%/năm. Tài sản đảm bảo là các tài sản gắn liền với đất, các động sản và quyền tài sản khác và quyền sử dụng đất hình thành từ dự án.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng vay vốn số 02/2009 ngày 13 tháng 06 năm 2009. Hạn mức tín dụng là 315 tỷ đồng. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên theo khế ước nhận nợ. Thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để đầu tư các hạng mục Dự án Công trình Nhà máy Thủy điện Bắc Hà. Lãi suất trong hạn được quy định cụ thể theo từng lần giải ngân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản bảo đảm là toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Bắc Hà.
 - Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 05/2006/HĐTĐ ngày 27 tháng 12 năm 2006 và các Hợp đồng, Phụ lục hợp đồng sửa đổi, bổ sung. Hạn mức tín dụng là 156 tỷ đồng. Thời hạn cho vay 168 tháng kể từ giải ngân đầu tiên (31 tháng 10 năm 2007). Thời gian ân hạn 49 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời hạn trả nợ gốc là 119 tháng, thời điểm bắt đầu trả nợ gốc là tháng 11 năm 2011. Lãi suất trong hạn 7,8%/năm tính trên dư nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Mục đích vay để đầu tư các hạng mục dự án: phục vụ di dân giải phóng mặt bằng, mua sắm thiết bị sản xuất trong nước gồm đập tràn, cửa nhận trước, đường ống áp lực, cần trục gian máy, cửa dẫn nước ra, tuốc bin phát máy (nếu có) theo đúng nội dung Dự án đầu tư được phép phê duyệt. Tài sản bảo đảm là toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Bắc Hà.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

13. Vốn chủ sở hữu

a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	660.000.000.000	200.000.000	45.807.648.184	706.007.648.184
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	154.204.181.184	154.204.181.184
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	200.000.000	(200.000.000)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(33.000.000.000)	(33.000.000.000)
Số dư đầu kỳ này	660.000.000.000	400.000.000	166.611.829.368	827.011.829.368
Lãi/(lỗ) trong kỳ này	-	-	(12.793.081.035)	(12.793.081.035)
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	6.939.188.153	(6.939.188.153)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(771.020.906)	(771.020.906)
Chia cổ tức (i)	-	-	(46.200.000.000)	(46.200.000.000)
Thường ban điều hành (i)	-	-	(3.368.001.505)	(3.368.001.505)
Số dư cuối kỳ này	660.000.000.000	7.339.188.153	96.540.537.769	763.879.725.922

(i) Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết đại hội đồng thường niên năm 2023 số 150/2023/NQ-BHHC-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông.

b. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị VND
Tổng Công ty Licogi - CTCP	41,01%	270.649.830.000	41,01%	270.649.830.000
Công ty CP Đầu tư Bắc Hà	24,19%	159.666.000.000	24,19%	159.666.000.000
Các cổ đông khác	34,80%	229.684.170.000	34,80%	229.684.170.000
Cộng	100%	660.000.000.000	100%	660.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

13. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	66.000.000	66.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>66.000.000</i>	<i>66.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.000.000	66.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>66.000.000</i>	<i>66.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

14. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Trong kỳ, Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và phân phối điện năng tại khu vực miền Bắc (tỉnh Lào Cai). Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	84.143.992.788	148.360.147.101
Cộng	84.143.992.788	148.360.147.101

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn bán điện thương phẩm	57.682.023.537	57.437.095.988
Cộng	57.682.023.537	57.437.095.988

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	137.141.975	859.679
Cộng	137.141.975	859.679

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	37.286.526.591	40.716.073.043
Chi phí tài chính khác	-	41.115.325
Cộng	37.286.526.591	40.757.188.368

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	2.206.182.709	2.433.234.034
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.005.201.302	1.187.244.276
Cộng	3.214.384.011	3.623.478.310

6. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	122.727.273	-
Tiền bồi thường bảo hiểm (i)	1.003.623.973	-
Cộng	1.126.351.246	-

(i) Khoản bồi thường tổn thất Hệ thống tiếp địa của nhà máy thủy điện Bắc Hà theo hợp đồng bảo hiểm số 00134/18AT/KT/002/KD2 ngày 01 tháng 06 năm 2018 ký giữa ABIC Hà Nội và Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà.

7. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(12.793.081.035)	45.412.667.069
Các khoản điều chỉnh tăng	17.632.905	1.130.577.045
Chi phí phạt chậm nộp thuế	1.066.905	352.577.045
Xử lý tiền tạm ứng không hoàn được chứng từ	16.566.000	778.000.000
Chi phí lãi vay không được trừ	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	46.543.244.114
Thuế suất	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.654.324.411
Ưu đãi thuế	-	2.327.162.206
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	2.327.162.206

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(12.793.081.035)	43.085.504.863
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(12.793.081.035)	43.085.504.863
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	66.000.000	66.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(194)	653

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	7.011.395.459	6.991.653.528
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.578.029.000	50.441.855.666
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài & bằng tiền khác	3.303.983.089	3.624.065.104
Cộng	60.896.407.548	61.060.574.298

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 314/HĐTD ngày 09 tháng 09 năm 2008 với Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai để sử dụng với mục đích xây dựng nhà máy thủy điện Bắc Hà từ ngày 13 tháng 09 năm 2007 đến ngày 30 tháng 12 năm 2047. Diện tích khu đất thuê là 8.274.121 m² bao gồm các huyện: Bắc Hà, Mường Khương và Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 1347/QĐ-CT ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Lào Cai về việc miễn tiền thuê đất, Công ty được miễn tiền thuê đất trong 19 năm từ ngày 13 tháng 09 năm 2007 đến hết ngày 31 tháng 08 năm 2026 tương ứng với số tiền là 90.711.663.000 đồng.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Licogi - CTCP - Chi nhánh Licogi số 01	Cùng cổ đông lớn
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Cùng cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	Cùng cổ đông lớn
Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	Ban lãnh đạo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trả trước cho người bán	4.837.568.040	4.837.568.040
Tổng Công ty Licogi - CTCP - Chi nhánh Licogi số 01	4.837.568.040	4.837.568.040
Phải trả người bán	1.505.257.308	1.505.257.308
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	619.248.529	619.248.529
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	886.008.779	886.008.779
Cổ tức phải trả	18.945.488.100	-
Tổng Công ty Licogi - CTCP	18.945.488.100	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Đồng Quốc Cường	Chủ tịch HĐQT	92.000.000	92.000.000
Ông Phan Thanh Hải	Phó chủ tịch HĐQT	77.000.000	77.000.000
Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Thành viên HĐQT	62.000.000	62.000.000
Ông Nguyễn Danh Quân	Thành viên HĐQT	62.000.000	62.000.000
Ông Nguyễn Thành Hưng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	437.127.990	424.930.470
Ông Trần Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc	-	287.879.160
Ông Phạm Ngọc Tân	Trưởng Ban Kiểm soát	62.000.000	62.000.000
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên Ban Kiểm soát	47.000.000	47.000.000
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên Ban Kiểm soát	47.000.000	47.000.000
Cộng		886.127.990	1.161.809.630

Hà Thị Thùy
Người lập

Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng

Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 08 năm 2023

Văn phòng **CÔNG TY**

Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex
1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung
Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

☎ (024) 6664 2777

☎ (024) 6664 3777

✉ contact@icpa.vn

Chi nhánh **SÀI GÒN**

Tầng 5, Tòa nhà Hải Âu TIC
39B Trường Sơn, Phường 4
Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

☎ (028) 7303 2007

☎ (028) 3547 2579

✉ saigon@icpa.vn

Chi nhánh **MIỀN TRUNG**

Tầng 9, Tòa nhà Viettel
Đại lộ Lê Lợi, Phường Đông Hương
TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

☎ (0237) 375 8959

☎ (0237) 375 8959

✉ mientrung@icpa.vn

Chi nhánh **NGHỆ AN**

Tầng 2, Tòa nhà Nhà Việt.
Số 8 Đường V.I Lê Nin, Phường Hà Huy Tập.
Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

☎ (0238) 268 2888

☎ (0238) 268 2888

✉ nghean@icpa.vn

HEAD Office

15th Floor, Center Building - Hapulico Complex
1 Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Trung Ward
Thanh Xuan District, Ha Noi City

☎ (+84 24) 6664 2777

☎ (+84 24) 6664 3777

✉ contact@icpa.vn

SAI GON Branch

5th Floor, Hai Au TIC Building
39B Truong Son, Ward 4
Tan Binh District, Ho Chi Minh City

☎ (+84 28) 7303 2007

☎ (+84 28) 3547 2579

✉ saigon@icpa.vn

CENTRAL Branch

9th Floor, Viettel Building
Le Loi Street, Dong Huong Ward
Thanh Hoa City, Thanh Hoa Province

☎ (+84 237) 375 8959

☎ (+84 237) 375 8959

✉ mientrung@icpa.vn

NGHE AN Branch

02nd Floor, Nha Viet Building
8 V.I Le Nin Street, Ha Huy Tap Ward
Vinh City, Nghe An Province

☎ (+84 238) 268 2888

☎ (+84 238) 268 2888

✉ nghean@icpa.vn

www.icpa.vn